BẢNG 6

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở QUẬN 4

(Ban hành kèm theo Quyết định số 61 /2012/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
1	BẾN VÂN ĐỒN	CÙ LAO NGUYỄN	CẦU NGUYỄN KIỆU	7.700
		CẦU NGUYỄN KIỆU	NGUYỄN KHOÁI	7.700
		NGUYỄN KHOÁI	CẦU DỪA	8.400
		CẦU DỪA	NGUYỄN TẤT THÀNH	10.100
2	ĐƯỜNG NỘI BỘ CHUNG CƯ			7.500
3	CÁC ĐƯỜNG NỘI BỘ CƯ XÁ			7.500
4	ĐINH LỄ	TRỌN ĐƯỜNG		16.000
5	ĐOÀN NHƯ HÀI	TRỌN ĐƯỜNG		13.500
6	ĐOÀN VĂN BƠ	CHÂN CẦU CALMET	HOÀNG DIỆU	13.500
		HOÀNG DIỆU	TÔN ĐẢN	11.900
		TÔN ĐẢN	XÓM CHIẾU	9.000
		XÓM CHIẾU	NGUYỄN THẦN HIẾN	4.800
7	ĐƯỜNG DÂN SINH HAI BÊN CẦU CALMETTE	TRỌN ĐƯỜNG		7.700
8	ĐƯỜNG 10C	TRỌN ĐƯỜNG		11.000
9	ĐƯỜNG 20 THƯỚC	TRỌN ĐƯỜNG		6.600
10	ĐƯỜNG DÂN SINH HAI BÊN CẦU ÔNG LÃNH	TRỌN ĐƯỜNG		6.200
11	ĐƯỜNG PHƯỜNG 1	TRỌN ĐƯỜNG		5.200
12	ĐƯỜNG SỐ 1	TRỌN ĐƯỜNG		9.900
13	ĐƯỜNG SỐ 2	TRỌN ĐƯỜNG		9.200
14	ĐƯỜNG SỐ 3	TRỌN ĐƯỜNG		9.200
15	ĐƯỜNG SỐ 4	TRỌN ĐƯỜNG		9.200
16	ĐƯỜNG SỐ 5	TRỌN ĐƯỜNG		9.200
17	ĐƯỜNG SỐ 6	TRỌN ĐƯỜNG		9.500
18	ĐƯỜNG SỐ 7	TRỌN ĐƯỜNG		9.200
19	ĐƯỜNG SỐ 8	TRỌN ĐƯỜNG		9.500
20	ĐƯỜNG SỐ 9	TRỌN ĐƯỜNG		9.500
21	ĐƯỜNG SỐ 10	TRỌN ĐƯỜNG		9.500
22	ĐƯỜNG SỐ 10A	TRỌN ĐƯỜNG		9.500
23	ĐƯỜNG SỐ 10B	TRỌN ĐƯỜNG		9.500
24	ĐƯỜNG SỐ 11	TRỌN ĐƯỜNG		9.500
25	ĐƯỜNG SỐ 12	TRỌN ĐƯỜNG		9.500
26	ĐƯỜNG SỐ 12A	TRỌN ĐƯỜNG		9.600
27	ĐƯỜNG SỐ 13	TRỌN ĐƯỜNG		9.200
28	ĐƯỜNG SỐ 15	TRỌN ĐƯỜNG		9.200
29	ĐƯỜNG SỐ 16	TRỌN ĐƯỜNG		9.500
30	ĐƯỜNG SỐ 17	TRỌN ĐƯỜNG		9.200
31	ĐƯỜNG SỐ 18	TRỌN ĐƯỜNG		9.200
32	ĐƯỜNG SỐ 19	TRỌN ĐƯỜNG		9.200
33	ĐƯỜNG SỐ 20	TRỌN ĐƯỜNG		8.800
34	ĐƯỜNG SỐ 21	TRỌN ĐƯỜNG		9.200
35	ĐƯỜNG SỐ 22	TRỌN ĐƯỜNG		9.500

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
36	ĐƯỜNG SỐ 23	TRỌN ĐƯỜNG		9.200
37	ĐƯỜNG SỐ 24	TRỌN ĐƯỜNG		9.500
38	ĐƯỜNG SỐ 25	TRỌN ĐƯỜNG		9.200
39	ĐƯỜNG SỐ 28	TRỌN ĐƯỜNG		10.300
40	ĐƯỜNG SỐ 29	TRỌN ĐƯỜNG		9.500
41	ĐƯỜNG SỐ 30	TRỌN ĐƯỜNG		9.500
42	ĐƯỜNG SỐ 31	TRỌN ĐƯỜNG		9.500
43	ĐƯỜNG SỐ 32	TRỌN ĐƯỜNG		9.500
44	ĐƯỜNG SỐ 32A	TRỌN ĐƯỜNG		4.800
45	ĐƯỜNG SỐ 33	TRỌN ĐƯỜNG		9.500
46	ĐƯỜNG SỐ 34	TRỌN ĐƯỜNG		9.500
47	ĐƯỜNG SỐ 35	TRỌN ĐƯỜNG		4.700
48	ĐƯỜNG SỐ 36	TRỌN ĐƯỜNG		9.500
49	ĐƯỜNG SỐ 37	TRỌN ĐƯỜNG		9.500
50	ĐƯỜNG SỐ 38	TRỌN ĐƯỜNG		9.500
51	ĐƯỜNG SỐ 39	TRỌN ĐƯỜNG		9.500
52	ĐƯỜNG SỐ 40	TRỌN ĐƯỜNG		9.500
53	ĐƯỜNG SỐ 42	TRỌN ĐƯỜNG		9.500
54	ĐƯỜNG SỐ 43	TRỌN ĐƯỜNG		9.200
55	ĐƯỜNG SỐ 44	TRỌN ĐƯỜNG		9.500
56	ĐƯỜNG SỐ 45	TRỌN ĐƯỜNG		10.100
57	ĐƯỜNG SỐ 46	TRỌN ĐƯỜNG		7.500
58	ĐƯỜNG SỐ 47	TRỌN ĐƯỜNG		9.200
59	ĐƯỜNG SỐ 48	TRỌN ĐƯỜNG		15.100
60	ĐƯỜNG SỐ 49	TRỌN ĐƯỜNG		9.500
61	ĐƯỜNG SỐ 50	TRỌN ĐƯỜNG		5.100
62	HOÀNG DIỆU	SÁT CẢNG SÀI GÒN	NGUYỄN TẤT THÀNH	15.000
		NGUYỄN TẤT THÀNH	ĐOÀN VĂN BƠ	20.200
		ĐOÀN VĂN BƠ	KHÁNH HỘI	20.200
		KHÁNH HỘI	CUỐI ĐƯỜNG	15.000
63	KHÁNH HỘI	BẾN VÂN ĐỒN	HOÀNG DIỆU	15.800
		HOÀNG DIỆU	CẦU KÊNH TẺ	15.400
		CẦU KÊNH TẺ	TÔN THẤT THUYẾT	8.800
64	LÊ QUỐC HƯNG	BẾN VÂN ĐỒN	HOÀNG DIỆU	12.400
		HOÀNG DIỆU	LÊ VĂN LINH	17.800
65	LÊ THẠCH	TRỌN ĐƯỜNG		19.800
66	LÊ VĂN LINH	NGUYỄN TẤT THÀNH	LÊ QUỐC HƯNG	16.500
		LÊ QUỐC HƯNG	ĐOÀN VĂN BƠ	10.800
67	LÊ VĂN LINH NỐI DÀI	ĐƯỜNG 48	NGUYỄN HỮU HÀO	16.500
68	NGÔ VĂN SỞ	TRỌN ĐƯỜNG		14.100
69	NGUYỄN HỮU HÀO	BẾN VÂN ĐỒN	HOÀNG DIỆU	8.100
		HOÀNG DIỆU	CUỐI ĐƯỜNG	7.900
70	NGUYỄN KHOÁI	TRỌN ĐƯỜNG		8.800
71	NGUYỄN TẤT THÀNH	CẦU KHÁNH HỘI	LÊ VĂN LINH	19.800
		LÊ VĂN LINH	XÓM CHIẾU	15.800
		XÓM CHIẾU	CẦU TÂN THUẬN	10.300
72	NGUYỄN THẦN HIẾN	TRỌN ĐƯỜNG		7.900
73	NGUYỄN TRƯỜNG TỘ	TRỌN ĐƯỜNG		17.600
74	TÂN VĨNH	TRỌN ĐƯỜNG		14.700

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
75	TÔN ĐẢN	TRỌN ĐƯỜNG		9.200
76	TÔN THẤT THUYẾT	NGUYỄN TẤT THÀNH	NGUYỄN THẦN HIẾN	6.800
		NGUYỄN THẦN HIẾN	XÓM CHIẾU	7.700
		XÓM CHIẾU	TÔN ĐẢN	7.400
		TÔN ĐẢN	NGUYỄN KHOÁI	8.800
		NGUYỄN KHOÁI	CUỐI ĐƯỜNG	5.700
77	TRƯƠNG ĐÌNH HỢI	TRỌN ĐƯỜNG		8.400
78	VĨNH HỘI	TRỌN ĐƯỜNG		14.400
79	VĨNH KHÁNH	BẾN VÂN ĐỒN	HOÀNG DIỆU	10.200
		HOÀNG DIỆU	TÔN ĐẢN	8.400
80	XÓM CHIẾU	TRỌN ĐƯỜNG		10.100
81	ĐƯỜNG LÊN CẦU KINH TẺ	TÔN THẤT THUYẾT	KHÁNH HỘI	9500

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ